

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày: 18/8/2021

*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Trung Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Kia; Ông Trần Văn Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS ngày 27/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng); Địa chỉ: 02 H, phường C, Quận B, TP.Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phan Văn G, Trưởng phòng Kế hoạch và Kinh doanh Chi nhánh thị xã A; Theo quyết số 118/NHNo.AK-QĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Chi nhánh thị xã A; Địa chỉ Chi nhánh: Số 584 (số cũ) QT, phường TS thị xã A, tỉnh Gia Lai; ông G có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Tô Thị Hồng N, sinh năm 1982 và anh Trương Văn Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ ghi trong hợp đồng: Tổ H, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Địa chỉ cư trú hiện tại: Tổ M, phường LS, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; anh Đ, chị N vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Đại diện nguyên đơn ông Phan Văn G trình bày: Ngày 12/12/2019 vợ chồng chị Tô Thị Hồng N (công tác tại Trung tâm y tế thị xã A) và anh Trương Văn Đ có ký hợp đồng tín dụng số 5002/LAV201902108 với Ngân hàng N thông qua Chi nhánh thị xã A để vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay là 48 tháng, hình thức vay không bảo đảm tài sản; lãi suất là 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Các bên thỏa thuận kỳ hạn trả gốc là 48 kỳ, trong đó 47 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.100.000đ, kỳ cuối cùng trả 1.300.000đ, trả gốc và lãi cùng kỳ vào ngày 25 hằng tháng bắt đầu 25/01/2020. Từ khi ký hợp đồng đến ngày 31/3/2021

bị đơn đã trả tiền lãi theo thỏa thuận và trả số tiền gốc là 18.900.000đ. Sau đó, bị đơn nghỉ việc chuyển đến tạm trú tại Tổ M, phường LS, thành Phố B, tỉnh Lâm Đồng và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm hợp đồng đã thỏa thuận nên Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã A yêu cầu để thu hồi vốn trước hạn. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì vào ngày 03 và ngày 17 tháng 8 năm 2021 Ngân hàng đã thu từ tài khoản của bị đơn số tiền gốc 4.100.000đ và tiền lãi phát sinh. Bị đơn còn nợ số tiền gốc 77.000.000đ và lãi theo hợp đồng tính đến ngày 18/8/2021 là 8.224.189đ. Khi vay tiền bị đơn có tham gia bảo hiểm đối với khoản vay, tuy nhiên điều kiện để được bảo hiểm thanh toán là khi bị đơn chết. Hiện nay, bị đơn còn sống đã chuyển nơi cư trú và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phải có nghĩa vụ phải trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã thỏa thuận. Vì thế, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Tô Thị Hồng N và anh Trương Văn Đ phải trả số tiền gốc 77.000.000đ, tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày 18/8/2021 là 8.224.189đ. Sau ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số 5002/LAV201902108 ngày 12/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thị xã A, tỉnh Gia Lai đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng làm việc với bị đơn và có lời trình bày trong biên bản lấy lời khai như sau: Ngày 12/12/2019 vợ chồng tôi (Anh Đ, chị N) có vay số tiền 100.000.000đ với hình thức tín chấp tại Ngân hàng N thông qua Chi nhánh thị xã A. Thời hạn, lãi suất vay được thể hiện đúng như hợp đồng tín dụng số 5002/LAV201902108 12/12/2019 mà vợ chồng tôi đã thỏa thuận ký. Từ khi vay bà N còn làm việc tại Trung tâm y tế thị xã A nên đã trả số tiền lãi đến 31/3/2021 và số tiền gốc được 18.900.000đ. Sau đó, vì không còn công tác ở thị xã A nữa nên chưa trả được số tiền trên cho Ngân hàng và đã vi phạm hợp đồng tín dụng nói trên. Vì làm ăn xa, bị đơn không tham gia tố tụng được nên xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết vụ án nói trên và đồng ý trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng số 5002/LAV201902108 12/12/2019 cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, có ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện trong hồ sơ nên Tòa án mở phiên tòa là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 77.000.000đ, tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày 18/8/2021 là 8.224.189đ, tổng cộng 85.224.189đ. Đối với yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Tô Thị Hồng N và anh Trương Văn Đ để thu hồi nợ theo quy định. Đây là việc thi hành bản án của cơ quan Thi hành án dân sự đối với bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Tô Thị Hồng N, trước đây công tác tại Trung tâm y tế thị xã A cùng chồng là anh Trương Văn Đ, đã ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua Chi nhánh thị xã A -Đông Gia Lai. Trong hợp đồng tín dụng có ghi địa chỉ của chị N anh Đ là Tổ H, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai nhưng sau đó bị đơn đã chuyển đến tạm trú tại Tổ M, phường LS, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay nêu trên nên Ngân hàng N đã khởi kiện yêu cầu chị N, anh Đ phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã A là nơi bị đơn có địa chỉ được xác định trong hợp đồng, để nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp. Do vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn đã có đơn xin vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét hợp đồng tín dụng số 5002/LAV201902108 ngày 12/12/2019, Hội đồng xét xử xét thấy các bên giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc xác lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng, ngân hàng. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng theo quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán trước thời hạn hợp đồng: Theo Điều 1 của hợp đồng tín dụng số 5002/LAV201902108 ngày 12/12/2019 thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 100.000.000đ cho bị đơn chị N, anh Đ vào ngày 12/12/2019 và bị đơn đã trả dần số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tính đến ngày 31/3/2021 là 18.900.000đ. Mặc dù thời hạn vay là 48 tháng nhưng tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng nói trên các bên thỏa thuận nếu các bên vi phạm cam kết thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn. Xét, việc bị đơn có cam kết trong hợp đồng là trả tiền hằng tháng, mỗi tháng trả 2.100.000đ cho Ngân hàng nhưng không thực hiện theo cam kết đó, bị đơn đã chuyển nơi cư trú, không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm cam kết trong hợp đồng đã thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ trước thời hạn là phù hợp. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì bị đơn cũng đồng ý trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng chứ không ý kiến gì. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Ngân hàng đã trích từ tài khoản của bị đơn thu được số tiền gốc 4.100.000đ và tiền lãi theo hợp đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc còn lại là 77.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 18/8/2021 là 8.224.189đ là hoàn toàn tự nguyện và có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị đơn phải trả

số tiền gốc và lãi còn nợ, trước thời hạn của hợp đồng tín dụng số 5002/LAV201902108 ngày 12/12/2019 là có cơ sở.

[5] Về yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Tô Thị Hồng N và anh Trương Văn Đ để thu hồi nợ theo quy định. Xét giữa nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng tín dụng hình thức tín chấp, không có đảm bảo khoản vay bằng tài sản nào. Hơn nữa, đây là việc thi hành bản án của cơ quan Thi hành án dân sự đối với bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Vì thế, yêu cầu nói trên của nguyên đơn không có cơ sở nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Mức án phí có trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn chị N, anh Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.261.200đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông Nập và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Buộc bị đơn chị Tô Thị Hồng N và anh Trương Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh thị xã A, số tiền nợ từ hợp đồng tín dụng số 5002/LAV201902108 ngày 12/12/2019, tiền gốc 77.000.000đ (Bảy mươi bảy triệu đồng) tiền lãi tính đến ngày 18/8/2021 là 8.224.189đ (Tám triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi chín đồng).

2. Không không chấp nhận đối với “Yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Tô Thị Hồng N và anh Trương Văn Đ để thu hồi nợ”.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn chị Tô Thị Hồng N, anh Trương Văn Đ còn phải chịu tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5002/LAV201902108 ngày 12/12/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nói trên các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay (nếu có) thì lãi suất mà bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Bị đơn chị Tô Thị Hồng N và anh Trương Văn Đ phải nộp số tiền 4.261.200đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi một nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N thông qua Chi nhánh thị xã A số tiền 2.145.000đ theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009995 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Trung Toàn**